

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**
Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 27-02-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TPTN, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Trần Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN, tỉnh TN tham gia phiên tòa : Ông Vũ Xuân Đại- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 02 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 666/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 687/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo

Nguyễn Duy Th (tên gọi khác: không)- sinh ngày 02/7/1986, tại Thái Nguyên. Nơi đăng ký HKTT: tổ A cũ (tổ B mới), phường CH, TPTN, tỉnh TN. nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Thế C, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966, gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Đào Thu Tr, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2013, tiền sự: không.

Tiền án: 01-Tại bản án số 12/2016/HSST ngày 28/01/2016 Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh TN xử phạt 24 tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2015. Ngày 21/3/2016 thi hành xong phần án phí.

Nhân thân: 06

-Tại bản án số 92/2005/HSST ngày 16/5/2005 Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh TN xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

-Tại bản án số 12/2006/HSST ngày 23/2/2006 Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh TN xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, chấp hành xong án phí ngày 22/2/2011;

- Tại Quyết định số 188/QĐ-XPHC ngày 16/10/2008 của Công an TPTN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác” đã nộp phạt ngày 01/12/2008;

-Tại bản án số 191/2011/HSST ngày 15/6/2011 Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh TN xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày

15/6/2011 (được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2010 đến ngày 02/12/2010).

-Tại Quyết định số 0064281/QĐ-XPHC ngày 06/10/2017 của Công an huyện ĐH, tỉnh TN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép dưới hình thức đá chọi gà được thu bằng tiền” đã nộp phạt ngày 06/10/2017

- Tại Quyết định số 0054105/QĐ-XPHC ngày 02/12/2017 của Công an TPTN xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác” đã nộp phạt ngày 03/01/2018.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1) Đào Thu Tr, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú tại: tổ A (cũ) tổ B mới, phường CH, TPTN, tỉnh TN.

2) Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: tổ A cũ (tổ B mới), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

3) Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1998 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: xóm L, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

4) Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

5) Anh Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm T2, xã HT1, TPTN, tỉnh TN.

6) Chị Dương Thị D1, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại tổ dân phố NH, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

7) Anh Đỗ Đức Kh, sinh năm 1995, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ A5 (nay là tổ P), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

8) Anh Tạ Quang V, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1C, phường PĐP, TPTN, tỉnh TN.

Hiện nay đang chấp hành án tại đội 38, phân trại số y, Trại giam P, Bộ Công An

9) Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1D, phường GS, TPTN, tỉnh TN.

10) Chị Đỗ Thị Thanh Nh, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm T3, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

11) Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ A5, phường QT, TPTN, tỉnh TN.

12) Ông Ngô Tiến Q, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ D1 (nay là tổ D), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

13) Anh Hoàng Văn B1, sinh năm 1981(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm B, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN.

14) Anh Nguyễn Văn L (tên khác Nguyễn Văn L1), sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN.

15) Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm G, xã CN, TPTN, tỉnh TN.

16) Anh Nguyễn Thành C1 , sinh năm 1981(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại Xóm T4, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

17) Anh Phan Văn Th1, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại Xóm N, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

18) Anh Ngô Duy Đ , sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại Xóm VT, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

19) Anh Hà Sỹ Th2 , sinh năm 1970 (đã chết ngày 06/5/2019)

Trú tại: tổ A (nay là tổ N), phường CH, TPTN, tỉnh TN

20) Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

21) Anh Nguyễn Duy Đ1 , sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm L, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

22) Anh Phạm Quốc L2, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm PT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

23) Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại Tổ A2, phường HVT, TPTN, tỉnh TN.

24) Anh Nguyễn Việt H1 , sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm HH, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

25) Anh Vi Mạnh D2 , sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm A Đ, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

26) Anh Lưu Như V1 , sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm S1, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

27) Ông Hà Sỹ L3, sinh năm 1961 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

28) Anh Nguyễn Văn H2 , sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu X, Thị trấn PT, huyện KM, tỉnh HD;

29) Bà Bùi Thị L4 , sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ X cũ (nay tổ Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

30) Bà Nguyễn Thị N1 , sinh năm 1958 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1X cũ (nay tổ z), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

31) Anh Trần Quốc Kh1, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ A3, phường CH, TPTN, tỉnh TN.

32) Chị Trần Thị Th3 , sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2K, phường CH, TPTN, tỉnh TN.

33) Anh Đỗ Văn G1 , sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đ, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

34) Anh Đào Minh T3 , sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2Y, phường CH, TPTN, tỉnh TN.

35) Anh Trần Đức C2 , sinh năm 1995(Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm L1, xã QS, huyện ĐH, tỉnh TN.

36) Anh Nguyễn Văn A , sinh năm 1990, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm L2, xã TL1, huyện ĐH, tỉnh TN.

37) Anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm T4, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN.

38) Anh Nguyễn Thành Tr1, sinh năm 1998 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm K2, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

39) Anh Nguyễn Văn Th4 , sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ X2, phường CH, TPTN, tỉnh TN.

40) Ông Toàn Văn Th5 , sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ x7, phường QV, TPTN, tỉnh TN.

41) Anh Nguyễn Tuấn A1 , sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm TP, xã CN, TPTN, tỉnh TN.

42) Anh Vũ Bá L5, sinh năm 1996, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN.
Đang chấp hành án tại đội 8, phân trại K4, trại giam P, Bộ công an;

43) Anh Nguyễn Văn D3 , sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

44) Anh Vũ Đức H3, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN

45) Anh Hoàng Văn Ch , sinh năm 1983, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đ3, xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

46) Anh Vũ Văn L6, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm T3, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

47) Ông Vũ Khắc T5 , sinh năm 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1Y cũ (nay là tổ5Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN.

48) Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

49) Ông Nguyễn Minh Th6, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Tổ Y10, Phường CH, TPTN, tỉnh TN

50) Anh Phạm Trung K, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: xóm ĐT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN.

51) Anh Trần Xuân T6, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: tổ X15, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh TN

***Người làm chứng:**

Anh Đặng Ngọc A2, sinh năm 1994 (có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: xóm PT, xã CN, TPTN, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 ngày 28/01/2019 Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh TN thi hành Lệnh khám xét hành chính đối với Cửa hàng "DT" có địa chỉ tại tổ A, phường CH, TPTN do Nguyễn Duy Th làm chủ. Quá trình khám xét, Công an TPTN đã phát hiện, tạm giữ tại Cửa hàng "DT" gồm: Số tiền 262.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade gắn biển kiểm soát 20B1 - 912.39; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển kiểm soát 20B2 - 018.08; 12 (Mười hai) quyển sổ có kích thước khác nhau dùng để ghi chép hoạt động cho vay lãi tại quầy; 89 (Tám mươi chín) loại giấy tờ gồm chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, đăng ký xe, thẻ đảng viên, sổ hộ khẩu, giấy vay tiền của những người đã vay lãi tại quầy "DT" để điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

Cửa hàng "DT" địa chỉ tại tổ A, phường CH, TPTN kinh doanh từ tháng 8/2017 với ngành nghề đăng ký kinh doanh là: Mua bán, cho thuê ô tô, xe máy, máy móc, thiết bị công nghệ; Mua bán điện thoại, sim thẻ điện thoại; Dịch vụ Internet và trò chơi điện tử; Dịch vụ cầm đồ; Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán vật liệu xây dựng (Đá, cát, sỏi, xi măng). UBND huyện ĐH, tỉnh TN cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 17F8006888 cho Nguyễn Duy N, sinh năm 1989, trú tại: Tổ A3, phường CH, TP Thái Nguyên, tuy nhiên, hoạt động thực tế của Cửa hàng "DT" đều do Nguyễn Duy Th (anh trai N) trực tiếp điều hành trong đó có việc cho vay tiền tính lãi bằng hình thức vay thế chấp tài sản hoặc giấy tờ và "Bóc bát họ" với lãi suất vượt quá quy định.

Đối với hình thức cho vay có thế chấp tài sản hoặc giấy tờ, Nguyễn Duy Th cho vay với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*Ba nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày*) đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (*Bảy nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày*), tương ứng mức lãi suất từ 108% đến 239%/ năm. Đối với hình thức vay họ (*Bóc bát họ*), quy ước 01(Một) "*Bát họ*" tương đương 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), lãi suất vay 01(Một) "*Bát họ*" là

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trong 50 ngày, tương ứng mức lãi suất từ 146% đến 243%/ năm.

Đối với việc cho vay: Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/01/2019, Th đã cho 42 người vay với 56 lần vay, với tổng số tiền 888.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi tám triệu đồng) vào việc cho vay lãi có thể chấp với tổng số tiền lãi thu được là 166.440.000 đồng. Mức lãi suất thỏa thuận cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm là tiền lãi hợp pháp (Trong đó: Số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/1 năm là tiền lãi hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 17.952.877 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 148.487.123 đồng), cụ thể như sau:

Đối với lãi suất cho vay 5.000 đồng/1 triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 183%/1 năm, căn cứ theo quy tính lãi suất ngân hàng nhà nước Việt nam và áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức tính lãi suất trên gấp 9,15 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Với mức lãi suất này Th đã cho vay như sau:

01. Ngày 05/12/2018 cho anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1969, trú tại: xóm T, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 25.000.000đ, số ngày vay 50 ngày. Anh B đã nộp 06 lần lãi với tổng số tiền là 6.250.000đ, tháng 02/2019 anh B đã trả tiền gốc là 25.000.000 đồng, theo đó số tiền lãi hợp pháp là 684.932 đồng, số tiền Th thu lợi bất chính 5.565.068 đồng.

02. Ngày 27/10/2018 cho anh Nguyễn Thanh Ph (sinh năm 1987, trú tại: Xóm T2, xã HT1, TPTN, tỉnh TN) vay 10.000.000đ, số ngày vay 70 ngày. Anh Ph đã nộp lãi 07 lần với tổng số tiền 3.500.000đ, tháng 6/2019 anh Ph đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng, theo đó số tiền lãi hợp pháp là 383.562 đồng, số tiền Th thu lợi bất chính 3.116.438 đồng.

03. Ngày 08/10/2018 cho chị Dương Thị D1 (sinh năm 1977, trú tại: Xóm N, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN) vay 15.000.000đ, số ngày vay 90 ngày. Chị D1 đã nộp lãi 08 lần với tổng số tiền 6.750.000đ, chị D1 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả, theo đó số tiền lãi hợp pháp là 739.726 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.010.274 đồng.

04. Ngày 01/6/2018 cho anh Đỗ Đức Kh (sinh năm 1995, trú tại: Tổ A5 (nay là tổ P), phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 6.000.000đ, số ngày vay 110 ngày. Anh Kh đã nộp lãi 05 lần với số tiền lãi là 3.300.000đ, tháng 02/2019 anh Kh đã trả số tiền gốc là 6.000.000 đồng, theo đó số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 361.644 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.938.356 đồng.

05. Ngày 02/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hải Y (sinh năm 1981, trú tại: Tổ 1D, phường GS, TPTN, tỉnh TN) vay 10.000.000đ, số ngày vay 70 ngày. Chị Y đã nộp lãi 02 lần với số tiền 3.500.000đ, ngày 15/2/2019 chị Y đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng, theo đó tiền lãi hợp pháp theo quy định là 383.562 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.116.438 đồng.

06. Ngày 25/12/2018 cho chị Đỗ Thị Thanh Nh (sinh năm 1976, trú tại: xóm T3, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 55.000.000đ, số ngày vay 20 ngày. Chị Nh đã nộp lãi 02 lần với số tiền 5.500.000đ, ngày 15/01/2019 chị Nh đã trả tiền gốc là 55.000.000 đồng, theo đó tiền lãi hợp pháp theo quy định là 602.740 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.897.260 đồng.

07. Ngày 19/3/2018 cho anh Nguyễn Hữu T1 (sinh năm 1984, trú tại: Tổ A5, phường QT, TPTN, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 106 ngày. Anh T1 đã trả 02 lần với số tiền 2.650.000đ đến nay anh T1 chưa trả số tiền gốc cho Th, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 290.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.359.589 đồng.

08. Cho ông Ngô Tiến Q (sinh năm 1964, trú tại: Tổ D1 (nay là tổ D), phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/12/2018 cho vay 10.000.000đ, số ngày vay 60 ngày, ông Q đã trả 02 lần với số tiền 3.000.000đ, ngày 28/01/2019 đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu hợp pháp theo quy định là 328.767 đồng, thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 28/01/2019 cho vay 20.000.000đ, số ngày vay 20 ngày, ông Q đã trả lãi 2.000.000đ, tháng 4 năm 2019 đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

9. Ngày 20/11/2018 cho anh Hoàng Văn B1 (Sinh năm 1981, trú tại: Xóm B, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 8.000.000đ, số ngày vay 60 ngày, anh B1 đã thanh toán tiền lãi 02 lần với số tiền 2.400.000đ. Đến nay anh B1 chưa trả tiền gốc, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 263.014 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.136.986 đồng.

10. Ngày 14/9/2018 cho anh Nguyễn Văn L tức Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1976, trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN) vay 20.000.000đ, số ngày vay 70 ngày. Anh L đã trả lãi 07 lần với số tiền là 7.000.000đ, tiền lãi hợp pháp theo quy định pháp luật là 767.123 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.232.877 đồng, đến nay anh L đã trả đủ tiền gốc.

11. Cho anh Nguyễn Việt C (sinh năm 1992, trú tại Xóm G, xã CN, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần:

Lần 1: ngày 20/9/2018 cho anh C vay 20.000.000đ, số ngày vay 90 ngày, anh C đã trả số tiền lãi cho Th là 9.000.000đ, tháng 2 năm 2019 anh C đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp theo quy định pháp luật là 986.301 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng.

Lần 2: ngày 07/12/2018 cho anh C vay 10.000.000đ, số ngày vay 12 ngày, anh C đã trả số tiền lãi 600.000 đồng, ngày 24/12/2018 trả tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 534.247 đồng.

12. Ngày 10/12/2018 cho anh Ngô Duy Đ (Sinh năm 1986, trú tại Xóm VT, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN) vay 20.000.000đ, số ngày vay 43 ngày, anh Đ đã trả tiền lãi cho Th số tiền 4.300.000đ, ngày 21/01/2019 đã trả tiền gốc

20.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 471.233 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.828.767 đồng.

13. Ngày 26/12/2018 cho anh Hà Sỹ Th2 (sinh năm 1970, trú tại tổ A (nay là tổ N), vay 20.000.000đ, số ngày vay 30 ngày. Anh Th2 đã trả tiền lãi cho Th số tiền 3.000.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

14. Ngày 10/12/2018 cho anh Nguyễn Đình T2 (sinh năm 1988, trú tại AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 40 ngày. Anh T2 đã trả tiền lãi cho Th số tiền 1.000.000đ, ngày 16/2/2019 anh T2 trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

15. Ngày 11/7/2018 cho anh Nguyễn Duy Đ1 (sinh năm 1992, trú tại Xóm L, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 3.000.000đ, số ngày vay 120 ngày. Anh Đ1 đã trả cho Th 1.800.000 đồng tiền lãi, đến nay chưa trả gốc, tổng số tiền lãi theo quy định là 197.260 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.602.740 đồng.

16. Cho anh Phạm Quốc L2 (sinh năm 1980, trú tại Xóm P1, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/4/2018 vay 10.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, anh L2 đã trả số tiền lãi là 500.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 445.205 đồng.

Lần 2: Ngày 13/4/2018 vay 5.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, anh L2 đã trả số tiền lãi là 250.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 27.397 đồng, thu lợi bất chính là 222.603 đồng.

17. Cho anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1982, trú tại Tổ A2, phường HVT, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 29/11/2018 vay 15.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, anh H đã trả tiền lãi 2.250.000đ, tháng 3 năm 2019 trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 246.575 đồng, thu lợi bất chính là 2.003.425 đồng.

Lần 2: Ngày 27/12/2018 vay 10.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, anh H đã trả tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 3 năm 2019 trả số tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

18. Ngày 23/4/2018 cho anh Lưu Như V1 (sinh năm 1977, trú tại Xóm S1, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 10.000.000đ, số ngày vay 98 ngày. Anh V1 đã trả số tiền lãi là 4.900.000 đồng, đến nay đã trả 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 536.986 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.363.014 đồng.

19. Cho ông Hà Sỹ L3 (Sinh năm 1961, trú tại Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 10/10/2018 vay 10.000.000 đồng, số ngày vay 90 ngày, ông L3 đã trả cho Th số tiền lãi 4.500.000 đồng, ngày 09/1/2019 trả số tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 493.151 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.006.849 đồng.

Lần 2: Ngày 17/11/2018 vay 5.000.000 đồng, số ngày vay 60 ngày, ông L3 đã trả cho Th số tiền lãi 1.500.000 đồng, đến nay đã trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho Th, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

20. Ngày 17/11/2018 cho anh Nguyễn Văn H2 (sinh năm 1991, trú tại Khu X, Thị trấn PT, huyện KM, tỉnh HD) vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh H2 đã trả cho Th tiền số tiền lãi 2.500.000 đồng, đến nay chưa trả số tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.226.027 đồng.

21. Cho Bà Bùi Thị L4 (sinh năm 1962, trú tại Tổ X cũ (nay tổ Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 28/9/2018 cho vay 40.000.000đ, số ngày vay 40 ngày, bà L4 đã trả lãi cho Th số tiền 8.000.000đ, đến nay đã trả đủ tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 876.712 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 7.123.288 đồng

Lần 2: ngày 21/12/2018 cho vay 5.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, bà L4 đã trả lãi cho Th số tiền 750.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 82.192 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 667.808 đồng

22. Cho bà Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1958, trú tại Tổ 1X cũ (nay tổ z), phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/12/2018 cho bà N1 vay 10.000.000đ, số ngày vay 14 ngày, bà N1 đã trả lãi cho Th 700.000đ, đã trả số tiền gốc 10.000.000đ ngày 19/12/2018, số tiền lãi theo quy định là 76.712 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 623.288 đồng.

Lần 2: Ngày 19/12/2018 cho bà N1 vay 25.000.000đ, số ngày vay 14 ngày, đã trả lãi 1.750.000đ, đã trả gốc 25.000.000 đồng ngày 02/01/2019, số tiền lãi theo quy định là 191.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.558.219 đồng.

Lần 3: Ngày 02/01/2019 cho bà N1 vay 15.000.000đ, số ngày vay 20 ngày, đã trả tiền lãi cho Th 1.500.000đ, trả tiền gốc 15.000.000 đồng cho Th ngày 20/02/2019, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

23. Ngày 05/12/2018 cho anh Trần Quốc Kh1 (sinh năm 1982, trú tại Tổ A3, phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 3.000.000đ, số ngày vay 15 ngày, đã trả lãi cho Th 220.000đ, ngày 20/12/2018 đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 24.658 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 195.342 đồng

24. Ngày 22/8/2018 cho chị Trần Thị Th3 (sinh năm 1975, trú tại Tổ 2K, phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 6.000.000đ, số ngày vay 70 ngày, chị Th3 đã trả lãi cho Thanh 2.000.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 230.137 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.769.863 đồng

25. Cho anh Đỗ Văn G1 (sinh năm 1989, trú tại Xóm Đ, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/12/2018 cho anh G1 vay 30.000.000đ, số ngày vay 14 ngày, anh G1 đã trả số tiền lãi cho Th 2.100.000đ, anh G1 đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho Th ngày 19/12/2018, số tiền lãi theo quy định là 230.137 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.869.863 đồng

Lần 2: Ngày 07/01/2019 cho anh G1 vay 60.000.000đ, số ngày vay 09 ngày, anh G1 đã trả số tiền lãi cho Th 2.700.000đ, ngày 16/01/2019 anh G1 đã trả 60.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 295.890 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.404.110 đồng.

26. Ngày 02/12/2018 cho anh Trần Đức C2 (sinh năm 1995, trú tại xóm L1, xã QS, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 6.000.000đ, số ngày vay 24 ngày, anh C2 đã trả số tiền lãi cho Th 720.000đ, anh C2 đã trả tiền gốc 6.000.000 đồng ngày 26/12/2018, số tiền lãi theo quy định là 78.904 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 641.096 đồng

27. Ngày 05/8/2018 cho anh Nguyễn Văn A (sinh năm 1990, trú tại xóm L2, xã TL1, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 120 ngày, anh A đã trả số tiền lãi cho Th 2.500.000đ, anh A đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng ngày 15/12/2018, số tiền lãi theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.171.233 đồng.

28. Ngày 26/9/2018 cho ông Toàn Văn Th5 (sinh năm 1966, trú tại Tổ x7, phường QV, TPTN, tỉnh TN) vay 1.000.000đ, số ngày vay 90 ngày, số lãi ông Th5 đã trả cho Th 450.000đ, ông Th5 đã trả tiền gốc 1.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 49.315 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

29. Cho anh Vũ Đức H3 (sinh năm 1984, trú tại Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/10/2018 cho vay 30.000.000đ, số ngày vay 85 ngày, anh H3 đã trả số tiền lãi cho Th 9.000.000đ, ngày 23/01/2019 anh H3 đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 986.301 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng

Lần 2: Ngày 02/01/2019 cho vay 10.000.000đ, số ngày vay 20 ngày, anh H3 đã trả số tiền lãi cho Th 2.000.000đ, giữa tháng 2/2019 đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.890.411 đồng.

30. Cho anh Hoàng Văn Ch (sinh năm 1983, trú tại xóm Đ3, xã LH, huyện VN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/12/2018 vay 40.000.000đ, số ngày vay 05 ngày, anh Ch đã trả số tiền lãi cho Th 1.200.000đ, ngày 19/12/2018 anh Ch đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.090.411đồng

Lần 2: Ngày 19/12/2018 vay 20.000.000đ, số ngày vay 20 ngày, anh Ch đã trả số tiền lãi cho Th 2.000.000đ, đến ngày 01/08/2019 anh Ch đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

Cho vay với lãi suất 7.000 đồng/1triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 256%/1 năm, căn cứ theo quy tính lãi suất ngân hàng nhà nước Việt nam và áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức tính lãi suất trên gấp 12,8 lần so với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, Th đã cho một số người vay như sau:

01. Ngày 18/10/2018 cho anh Nguyễn Viết H1 (sinh năm 1976, trú tại Xóm HH, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 2.000.000đ, số ngày vay 90 ngày. Anh H1 đã trả tiền lãi cho Th là 1.260.000đ, đến nay tiền gốc chưa trả, số tiền lãi theo quy định 98.630 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.161.370 đồng).

02. Ngày 18/01/2018 cho anh Nguyễn Anh T4 (sinh năm 1990, trú tại Xóm T4, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN) vay 2.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, số lãi anh

T4 đã trả cho Th 140.000đ, đến nay T4 chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 10.959 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 129.041 đồng.

03. Ngày 15/10/2018 cho anh Vũ Bá L5 (sinh năm 1996, trú tại Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN) vay 4.000.000đ, số ngày vay 60 ngày. Anh L5 đã trả số tiền lãi cho Th, 1.700.000đ, đến nay chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 131.507 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.568.493 đồng.

Ngoài ra còn có một số người vay với các mức lãi suất khác nhau:

1. Ngày 27/7/2018 cho anh Tạ Quang V (sinh năm 1990, trú tại: Tổ 1C, phường PDP, TPTN, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 90 ngày, số tiền lãi anh V đã nộp lãi 03 lần với số tiền 2.950.000đ, tương ứng mức lãi suất bằng 239%/1 năm, gấp 11,95 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật đến nay chưa trả tiền gốc, theo đó số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 246.575 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.703.425 đồng.

02. Ngày 07/11/2018 cho anh Nguyễn Thành C1 (sinh năm 1981, trú tại xóm T4, phường DB, TPTN, tỉnh TN) vay 50.000.000đ, số ngày vay 60 ngày, lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh C1 đã trả lãi cho Th với số tiền 12.000.000 đồng, đến nay đã trả hết gốc cho bị cáo. Như vậy số tiền lãi hợp pháp theo quy định 1.643.836 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 10.356.164 đồng.

03. Cho anh Phan Văn Th1 (sinh năm 1988, trú tại xóm N, phường DB, TPTN, tỉnh TN) vay 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 17/8/2018 Th cho anh Th1 vay 30.000.000 đồng, số ngày vay 70 ngày, lãi suất 7.000đ/1 triệu/ngày tương ứng mức lãi suất bằng 256%/1 năm, gấp 12,8 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh Th1 đã trả tiền lãi cho Th 07 lần tương ứng với số tiền là 14.700.000 đồng, ngày 07/01/2019 anh Th1 đã trả tiền gốc là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.150.685 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 13.549.315 đồng.

Lần 2: Ngày 07/01/2019 vay 30.000.000đ, số ngày vay 20 ngày, lãi suất 7.000đ/1 triệu/ngày tương ứng mức lãi suất bằng 256%/1 năm, gấp 12,8 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh Th1 đã trả số tiền lãi là 4.200.000đ, đến nay đã trả tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.871.233 đồng.

Lần 3: Ngày 25/01/2019 vay 12.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, lãi suất 8.300đ/1 triệu/ngày tương ứng mức lãi suất bằng 304%/1 năm, gấp 15,2 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh Th1 đã trả toàn bộ số tiền gốc 12.000.000 đồng, Anh Th1 trả số tiền lãi là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

04. Ngày 21/01/2018 cho anh Vi Mạnh D2 (sinh năm 1991, trú tại xóm A Đ, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 20.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ngày, tương ứng mức lãi suất bằng 122%/1 năm, gấp 6,1 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh D2 đã trả số tiền lãi cho Thanh là 2.000.000đ, cuối tháng 2 năm 2019 D2 đã trả 20.000.000đ tiền

gốc, số tiền lãi theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

05. Ngày 21/12/2018 cho anh Đào Minh T3 (sinh năm 1989, trú tại tổ 2Y, phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, anh T3 đã trả tiền lãi cho Th 550.000đ, tương ứng mức lãi suất bằng 134%/1 năm, gấp 6,7 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, anh T3 đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng ngày 20/01/2019. Số tiền lãi theo quy định là 82.192 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 467.808 đồng.

06. Ngày 04/12/2018 cho anh Nguyễn Thành Tr1 (sinh năm 1986, trú tại xóm K2, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 40.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, số lãi anh Tr1 đã trả cho Th 1.600.000đ, tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, anh Tr1 đã trả tiền gốc 40.000.000 đồng ngày 24/12/2018. Số tiền lãi theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.380.822 đồng.

07. Ngày 26/11/2018 cho anh Nguyễn Văn Th4 (sinh năm 1986, trú tại tổ X2, phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 70.000.000đ, số ngày vay 10 ngày, số lãi anh Th4 đã trả cho Th 2.100.000đ, thu tương ứng mức lãi suất bằng 110%/1 năm, gấp 5,5 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, anh Th4 đã trả tiền gốc 70.000.000 đồng ngày 06/12/2018, số tiền lãi theo quy định là 383.562 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.716.438 đồng.

08. Ngày 21/01/2019 cho anh Nguyễn Tuấn A1 (sinh năm 1991, trú tại xóm TP, xã CN, TPTN, tỉnh TN) vay 10.000.000đ, số ngày vay 08 ngày, anh A1 đã thanh toán tiền lãi 800.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất bằng 234%/1 năm, gấp 11,68 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2019 anh A1 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 43.836 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 756.164 đồng.

09. Cho anh Nguyễn Văn D3 (sinh năm 1986, trú tại xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 11/6/2018 vay 5.000.000đ, số ngày vay 04 ngày, D3 đã trả cho Th 200.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi suất bằng 365%/1 năm, gấp 18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, ngày 15/6/2018 đã trả số tiền 5.000.000 đồng gốc, số tiền lãi theo quy định là 10.959 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 189.041 đồng.

Lần 2: Ngày 16/6/2018 vay 5.000.000đ, số ngày vay 03 ngày, D3 đã trả cho Th 200.000 đồng tiền lãi tương ứng mức lãi suất bằng 487%/1 năm, gấp 24,35 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 19/6/2018 anh D3 đã trả 5.000.000 đồng gốc, số tiền lãi theo quy định là 8.219 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 191.781 đồng.

Đối với hình thức vay họ (*Bóc bát họ*): quy ước 01(Một) "*Bát họ*" tương đương 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), lãi suất vay 01 (Một) "*Bát họ*" là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời gian vay 50 ngày, với hình thức này, người vay mỗi ngày phải trả tiền gốc cho Nguyễn Duy Th là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*)/01 "*Bát*". Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/01/2019 tổng số tiền lãi Nguyễn Duy Th thu được bằng hình thức cho vay họ là 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*) trên tổng số tiền cho vay là 155.000.000 đồng

(Một trăm năm mươi năm triệu đồng) của 18 mã vay. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/1 năm là tiền lãi hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 3.457.534 đồng, như vậy số tiền thu lợi bất chính là 27.542.466 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng), cụ thể Thanh cho những người vay như sau:

01. Cho anh Nguyễn Văn L (tên khác Nguyễn Văn L1), sinh năm 1976, trú tại Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN vay 04 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/10/2018 cho anh L vay 10.000.000đ, số ngày vay 38 ngày, anh L đã trả cho Th số tiền lãi là 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 192%/1 năm, gấp 9,6 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh L đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 208.219 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.791.781 đồng.

Lần 2: Ngày 23/11/2018 cho anh L vay 10.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, anh L đã trả cho Th số tiền lãi 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 243%/1 năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh L đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng.

Lần 3: Ngày 23/12/2018 cho anh L vay 10.000.000đ, số ngày vay 28 ngày, Số tiền lãi Th đã thu 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 261%/1 năm, gấp 13,05 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh L đã trả tiền gốc cho Th 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 153.425 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.846.575 đồng.

Lần 4: Ngày 20/01/2019 cho anh L vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, Số tiền lãi Th đã thu 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh L chưa trả tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.726.027 đồng

02. Cho anh Vũ Văn L6 (sinh năm 1983, trú tại xóm T3, xã HT2, huyện DH, tỉnh TN) vay 07 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/10/2018 cho anh L6 vay 10.000.000đ, số ngày vay 30 ngày, số tiền lãi anh L6 đã nộp cho Th 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 243%/1 năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh L6 đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng ngày 15/11/2018, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.835.616 đồng.

Lần 2: Ngày 22/10/2018 cho anh L6 vay 5.000.000đ, số ngày vay 35 ngày, số tiền lãi anh L6 phải trả cho Th 1.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 209%/1 năm, gấp 10,45 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 26/11/2018 anh L6 đã trả số tiền gốc 5.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 95.890 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 904.110 đồng

Lần 3: Ngày 15/11/2018 cho anh L6 vay 10.000.000đ, số ngày vay 35 ngày, số tiền lãi L6 đã trả cho Th 2.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 209%/1 năm, gấp 10,45 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 20/12/2018 anh L6 đã trả số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 191.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.808.219 đồng

Lần 4: Ngày 26/11/2018 cho anh L6 vay 5.000.000đ, số ngày vay 35 ngày, anh L6 đã trả 1.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 209%/1 năm, gấp 10,45 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 31/12/2018 anh L6 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 95.890 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 904.110 đồng

Lần 5: Ngày 20/12/2018 cho anh L6 vay 10.000.000đ, số ngày vay 36 ngày, anh L6 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 203%/1 năm, gấp 10,15 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 25/01/2019 anh L6 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 197.260 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.802.740 đồng.

Lần 6: Ngày 31/12/2018 cho anh L6 vay 5.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh L6 đã trả 1.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh L6 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 136.986 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 863.014 đồng

Lần 7: Ngày 25/01/2019 cho anh L6 vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh L6 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh L6 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.726.027 đồng.

03. Cho anh Phan Văn Th1 (sinh năm 1988, trú tại xóm N, phường DB, TPTN, tỉnh TN) vay 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/12/2018 cho anh Th1 vay 10.000.000đ, số ngày vay 48 ngày, anh Th1 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 152%/1 năm, gấp 7,6 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh Th1 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 263.014 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.736.986 đồng.

Lần 2: Ngày 22/01/2019 cho anh Th1 vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh Th1 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh Th1 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.726.027 đồng.

04. Cho anh Nguyễn Văn D3, sinh năm 1986, trú tại xóm AT, xã HT2, huyện DH, tỉnh TN vay 03 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/11/2018 cho anh D3 vay 5.000.000đ, số ngày vay 26 ngày, anh D3 đã trả 1.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 281%/1 năm, gấp 14,05 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 16/12/2018 anh D3 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 71.233 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 928.767 đồng.

Lần 2: Ngày 16/12/2018 cho anh D3 vay 10.000.000đ, số ngày vay 38 ngày, anh D3 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 192%/1 năm, gấp 9,6 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 23/01/2019 anh D3 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 208.219 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.791.781 đồng.

Lần 3: Ngày 23/01/2019 cho anh D3 vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh D3 đã trả 2.000.000đ tiền lãi cho Th tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay anh D3 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Th, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.726.027 đồng.

05. Ngày 22/12/2018 cho ông Vũ Khắc T5 (sinh năm 1963, trú tại tổ 11, phường CH, TPTN, tỉnh TN) vay 5.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, ông T5 đã trả số tiền lãi cho Th 1.000.000đ tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tháng 02/2019 ông T5 đã trả 2.500.000 đồng tiền gốc, số còn lại chưa trả, số tiền lãi theo quy định là 136.986 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 863.014 đồng.

06. Giữa năm 2018 cho anh Nguyễn Đình M (sinh năm 1990, trú tại xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN) vay 10.000.000đ, số ngày vay 50 ngày, anh M đã trả số tiền lãi 2.000.000đ cho Th, tương ứng mức lãi suất bằng 146%/1 năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đến nay M chưa trả tiền gốc, số tiền lãi theo quy định là 273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.726.027 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Th đã sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 1.043.000.000 (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Duy Th thu được là: 176.029.589 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám chín đồng)

Bản cáo trạng số 650/CT-VKSTPTN ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Duy Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Th từ 06 đến 07 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm bị cáo làm các công việc liên quan đến hoạt động cho vay tín dụng trong thời hạn từ 30 đến 36 tháng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Th nộp vào ngân sách Nhà nước 1/2 số tiền gốc mà Th sử dụng để cho vay lãi nặng; Truy thu số tiền mà bị cáo Th đã thu lợi bất chính bằng hình thức cho vay lãi nặng của 74 lượt người vay; Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của Nguyễn Duy Th nhưng chưa trả; Tạm giữ số tiền 262.800.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án. Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các loại giấy tờ đã cầm cố tại quầy của Nguyễn Duy Th. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tr không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TPTN, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TPTN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.2 Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho những người tham gia tố tụng trên, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Duy Th tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc, phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/01/2019, tại quầy "DT" có địa chỉ tại tổ A, phường CH, TPTN, tỉnh TN do Nguyễn Duy Th làm chủ đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với hình thức cho vay lãi ngày và vay họ (bốc bát họ) với mức lãi suất cao từ 3000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 7000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng với mức lãi suất từ 122% đến 256%/1 năm, gấp từ 6,1 đến 12,8 lần so với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định. Trong khoảng thời gian trên Nguyễn Duy Th đã cho 45 người vay tương ứng 74 lượt cho vay với tổng số tiền cho vay là 1.043.000.000đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn), thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định là 176.029.589đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

[3] Với hành vi cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự thu lợi bất chính 176.029.589 đồng, hành vi của bị cáo Nguyễn Duy Th đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, hành vi của bị cáo gây rối loạn các giao dịch dân sự lành mạnh, làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của công dân khi tham gia các giao dịch dân sự, gây ra nhiều hệ lụy xấu cho xã hội. Do đó hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo cho vay các mã tiền có tính liên tục kế tiếp nhau và đều gấp 05 lần trở lên theo quy định Bộ luật dân sự, tuy nhiên không có lần nào bị cáo cho vay mà số tiền thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản Điều 52 Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung “*phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hành vi của bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền sung ngân sách nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp:

7.1 Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng số tiền bị cáo cho vay là 1.043.000.000 đồng với mức lãi cao, tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền người vay đã trả cho bị cáo với số tiền là 930.500.000 đồng, số tiền này được xác định là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên Nguyễn Duy Th có vợ là Đào Thu Tr, vợ chồng kết hôn từ năm 2012 hiện nay hôn nhân vẫn tồn tại, căn cứ khoản 2 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất”, bị cáo sử dụng tài sản chung vợ chồng hoạt động kinh doanh cho vay trái quy định pháp luật nhưng chị Trang vợ bị cáo không biết hoạt động cho vay lãi nặng của bị cáo; do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu $\frac{1}{2}$ số tiền gốc bị cáo đã thu hồi để sung ngân sách nhà nước.

7.2 Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

7.3 Đối với số tiền thu lợi bất chính mà Th thu được từ việc cho vay lãi nặng, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì: “*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định*

tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền Th thu lợi bất chính của những người vay. Toàn bộ người vay đều khai nhận mục đích vay tiền của Th để sử dụng vào việc đầu tư kinh doanh, làm trang trại, khám chữa bệnh, chi trả tiền nợ và chi tiêu sinh hoạt cá nhân, ngoài ra không sử dụng tiền vay của Nguyễn Duy Th vào mục đích vi phạm Pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền Th đã thu cho toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với anh Đào Minh T3 và Đỗ Văn G1 có đơn xin xét xử vắng mặt không có yêu cầu gì đối với bị cáo do đó cần truy thu của bị cáo số tiền lãi trên 20%/năm để sung ngân sách nhà nước.

7.4 Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc cho bị cáo Th buộc những người này phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho sung ngân sách nhà nước. Đối với anh Hà Sỹ Th2 vay của Th 20.000.000 đồng đến nay chưa trả tiền gốc, qua xác minh anh Th2 đã chết ngày 06/5/2019 nên xem xét không buộc nộp lại số tiền nợ gốc, đối với số lãi đã nộp 3.000.0000 đồng trong đó lãi trong hạn là 328.767 đồng, thu lời bất chính 2.671.233 đồng cần tịch thu của bị cáo Th sung ngân sách nhà nước.

[8] Xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với số tiền 262.800.000 đồng thu giữ tại cửa hàng DT, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[8.2] Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sắc: đen, xám gắn biển kiểm soát 20B1-912.39, số khung: RLHJF6305FZ500287, số máy JF63E1170076, đã qua sử dụng qua tra cứu là tang vật của vụ việc dấu hiệu tội phạm xảy ra tháng 12/2017 tại phường Quang Trung, TPTN, tỉnh TN cơ quan điều tra tách ra điều tra, làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.3] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển kiểm soát 20B2 - 018.08, màu sơn đen, số khung RLHKF2502GY029037, số máy KF25E-0028976, tình trạng đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định các bên liên quan đã giải quyết xong phần nghĩa vụ dân sự, đến nay không liên quan đến vụ án nên ngày 05/06/2019 cơ quan điều tra đã trả xe trên cho anh Trần Xuân T6 là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

[8.4] Đối với 12 (Mười hai) quyển sổ có kích thước khác nhau dùng để ghi chép hoạt động cho vay lãi tại quầy “DT” liên quan đến việc chứng minh tội phạm nên được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8.5] Đối với những giấy tờ tùy thân của những người vay tiền để lại tại quầy “DT”, có những mã vay khách hàng đã trả tiền, có mã vay khách hàng chưa trả tiền nên chưa lấy những giấy tờ về do đó cần trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[8.6] Quá trình điều tra xác minh còn một số giấy tờ của một số người vay như các sổ hộ khẩu mang tên Bùi Hữu T7, Ngô Văn S, Hạc Văn L7, Nguyễn Bá

H4, Nguyễn Thị Thúy H5; Các Đăng ký xe mô tô mang tên: Nguyễn Minh Th6, Nguyễn Thị Thu H6, Lương Hồng L8, Lê Văn D4; Các Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quang L9; Nguyễn Trọng L10; Nguyễn Ngọc C3, Nguyễn Văn H7; Các chứng minh nhân dân mang tên: Ngô Văn S, Hà Xuân T8, Lương Quang T9, Nguyễn Đức V1, Bùi Hữu T7, Nguyễn Thị H8, Trần Văn L11, Lê Minh T10, Vũ Thành Q1, Nguyễn Thanh H9, Đinh Ngọc T11, Nguyễn Hải Đ3, Hoàng Văn X, Trần Huy B2, Đinh Thị Thanh V2; Chứng chỉ sơ cấp nghề mang tên Nguyễn Văn H10; Thẻ đảng viên mang tên Trần Văn Th7, Thẻ hội viên mang tên Tô Văn Tám xác định một số người không có mặt tại nơi cư trú, hoặc không có địa chỉ cụ thể, do đó cơ quan điều tra đã tách những tài liệu trên để làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Tại Cửa hàng DT có thuê hai nhân viên làm tại cửa hàng là Đặng Ngọc A2, sinh năm 1994, trú tại: xóm TP, xã CN, TPTN và Nguyễn Anh D, sinh năm 1998, trú tại: xóm L, xã HT, huyện DH, tỉnh TN và đối với Nguyễn Duy N em trai bị cáo Th là người đứng tên đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, toàn bộ việc cho vay tiền, hình thức cho vay tiền và tính lãi suất, cách thức nộp tiền lãi do Nguyễn Duy Th trực tiếp thỏa thuận với người vay tiền và quyết định việc cho vay. Việc quản lý tiền cho vay, tiền lãi và giấy tờ, tài liệu do Nguyễn Duy Th quản lý, Đặng Ngọc A2 và Nguyễn Anh D không tham gia và quyết định việc cho vay, Nguyễn Duy N không biết đến nội dung hoạt động kinh doanh của cửa hàng nên chưa có căn cứ xem xét, cơ quan điều tra đã lập biên bản giáo dục nhắc nhở đối với Đặng Ngọc A2, Nguyễn Anh D và Nguyễn Duy N, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Th phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Duy Th 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

[3] Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy Th 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự

[4.1] Truy thu bị cáo Nguyễn Duy Th:

- Số tiền 465.250.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi năm hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền gốc người vay đã trả;

- Số tiền 21.410.411 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm mười một đồng) tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) nộp sung ngân sách nhà nước;

- Số tiền 7.413.014 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng) tiền lãi bất hợp pháp (trên 20%/năm) của anh Đỗ Văn G1, Đào Minh T3 và Hà Sỹ Th2 đã trả cho bị cáo tuy nhiên không yêu cầu bị cáo trả lại.

[4.2] Buộc bị cáo Nguyễn Duy Th phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi bất hợp pháp người vay đã trả cho bị cáo cụ thể từng người như sau:

[4.2.1] Anh Nguyễn Văn B, trú tại: xóm T, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 5.565.068 đồng (Năm triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

[4.2.2] Anh Nguyễn Thanh Ph, trú tại: Xóm T2, xã HT1, TPTN, tỉnh TN số tiền 3.116.438 đồng (Ba triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

[4.2.3] Chị Dương Thị D1, trú tại tổ dân phố NH, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN số tiền 6.010.274 đồng (Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

[4.2.4] Anh Đỗ Đức Kh, trú tại Tổ A5 (nay là tổ P), phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 2.938.356 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

[4.2.5] Anh Tạ Quang V, trú tại: Tổ 1C, phường PĐP, TPTN, tỉnh TN số tiền 2.703.425 đồng (Hai triệu bảy trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi năm đồng).

[4.2.6] Chị Nguyễn Thị Hải Y, trú tại: Tổ 1D, phường GS, TPTN, tỉnh TN số tiền 3.116.438 đồng (Ba triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

[4.2.7] Chị Đỗ Thị Thanh Nh, trú tại: xóm T3, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 4.897.260 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

[4.2.8] Anh Nguyễn Hữu T1, trú tại: Tổ A5, phường QT, TPTN, tỉnh TN số tiền 2.359.589 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

[4.2.9] Anh Ngô Tiến Q, trú tại: tổ D1 (nay là tổ D), phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 4.452.055 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi năm đồng).

[4.2.10] Anh Hoàng Văn B1, trú tại xóm B, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 2.136.986 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

[4.2.11] Anh Nguyễn Văn L (tức Nguyễn Văn L1), trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN số tiền 13.432.876 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

[4.2.12] Anh Nguyễn Việt C, trú tại: xóm G, xã CN, TPTN, tỉnh TN số tiền 8.547.946 đồng (Tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

[4.2.13] Anh Nguyễn Thành C1, trú tại xóm T4, phường DB, TPTN, tỉnh TN số tiền 10.356.164 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

[4.2.14] Anh Phan Văn Th1, trú tại: xóm N, phường DB, TPTN, tỉnh TN số tiền 21.817.808 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

[4.2.15] Anh Ngô Duy Đ, trú tại xóm VT, phường DB, TPTN, tỉnh TN số tiền 3.828.767 đồng (Ba triệu tám trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

[4.2.16] Anh Nguyễn Đình T2, trú tại: xóm AT, xã HT2, huyện DH, tỉnh TN số tiền 890.411 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

[4.2.17] Anh Nguyễn Duy Đ1, trú tại: xóm L, xã HT, huyện DH, tỉnh TN số tiền 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

[4.2.18] Anh Phạm Quốc L1, trú tại: Xóm P1, xã HT, huyện DH, tỉnh TN số tiền 667.808 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

[4.2.19] Anh Nguyễn Văn H, trú tại Tổ A2, phường HVT, TPTN, tỉnh TN số tiền 3.339.041 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

[4.2.20] Anh Nguyễn Viết H1, trú tại: Xóm HH, xã KM, huyện DH, tỉnh TN số tiền 1.161.370 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

[4.2.21] Anh Vi Mạnh D2, trú tại: xóm A Đ, xã KM, huyện DH, tỉnh TN số tiền 1.671.233 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[4.2.22] Anh Lưu Như V1, trú tại: Xóm S1, xã HT2, huyện DH, tỉnh TN số tiền 4.363.014 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

[4.2.23] Ông Hà Sỹ L2, trú tại: xóm AT, xã HT2, huyện DH, tỉnh TN số tiền 5.342.465 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng).

[4.2.24] Anh Nguyễn Văn H2, trú tại: Khu X, Thị trấn PT, huyện KM, tỉnh HD số tiền 2.226.027 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

[4.2.25] Bà Bùi Thị L3, trú tại: tổ X cũ (nay tổ Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 7.791.096 đồng. (Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

[4.2.26] Bà Nguyễn Thị N1, trú tại: tổ 1X cũ (nay tổ z), phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 3.517.123 đồng (Ba triệu năm trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

[4.2.27] Anh Trần Quốc Kh1, trú tại: Tổ A3, phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 195.342 đồng (Một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

[4.2.28] Chị Trần Thị Th3, trú tại: Tổ 2K, phường CH, TPTN, tỉnh Thái Nguyên số tiền 1.769.863 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

[4.2.29] Anh Trần Đức C2, trú tại: xóm L1, xã QS, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 641.096 đồng (Sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

[4.2.30] anh Nguyễn Văn A, trú tại: Xóm L2, xã TL1, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 2.171.233 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[4.2.31] Anh Nguyễn Anh T4, trú tại: Xóm T4, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN số tiền 129.041 đồng (Một trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

[4.2.32] Anh Nguyễn Thành Tr1, trú tại: Xóm K2, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 1.380.822 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

[4.2.33] Anh Nguyễn Văn Th4, trú tại: Tổ X2, phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 1.716.438 đồng (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

[4.2.34] Ông Toàn Văn Th5, trú tại: Tổ x7, phường QV, TPTN, tỉnh TN số tiền 400.685 đồng (Bốn trăm nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng).

[4.2.35] Anh Nguyễn Tuấn A1, trú tại : xóm TP, xã CN, TPTN, tỉnh TN số tiền 756.164 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

[4.2.36] Anh Vũ Bá L4, trú tại: 7X, phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 1.568.493 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

[4.2.37] Anh Nguyễn Văn D3, trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN số tiền 4.827.397 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

[4.2.38] Anh Vũ Đức H3, trú tại: Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN số tiền 9.904.110 đồng (Chín triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng).

[4.2.39] Anh Hoàng Văn Ch, trú tại: xóm ĐĐ, xã LH, huyện VN, tỉnh TN số tiền 2.871.233 đồng.(Hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[4.2.40] Anh Vũ Văn L6, trú tại: xóm T3, xã HT2, huyện Đồng. Hỷ, tỉnh TN số tiền 9.843.836 đồng (Chín triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

[4.2.41] Ông Vũ Khắc T5, trú tại: Tổ 1Y cũ (nay là tổ 5Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN số tiền 863.014 đồng (Tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

[4.2.42] Anh Nguyễn Đình M, trú tại: xóm AT, xã HT2, huyện Đồng. Hỷ, tỉnh TN số tiền 1.726.027 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

4.3 Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho Nguyễn Duy Th để sung ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

- Chị Dương Thị D1, trú tại: Xóm N, phường DB, TPTN, tỉnh TN phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- Anh Nguyễn Hữu T1, trú tại: Tổ A5, phường QT, TPTN, tỉnh TN phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Anh Hoàng Văn B1, trú tại: xóm B, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN) phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng);

- Anh Nguyễn Duy Đ1, trú tại xóm L, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN) phải nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

- Anh Phạm Quốc L1, trú tại Xóm P1, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN) phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng);

- Anh Nguyễn Văn H2, trú tại Khu X, Thị trấn PT, huyện KM, tỉnh HD) phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Bà Bùi Thị L4, trú tại X cũ (nay tổ Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- Chị Trần Thị Th3, trú tại Tổ 2K, phường CH, TPTN, tỉnh TN) phải nộp số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng);

- Anh Nguyễn Viết H1, trú tại Xóm HH, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) phải nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Anh Nguyễn Anh T4, trú tại xóm T4, phường DB, TPTN, tỉnh TN) phải nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Anh Vũ Bá L4, trú tại 7X, phường CH, TPTN, tỉnh TN) phải nộp số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Anh Tạ Quang V, trú tại: Tổ 1C, phường PDP, TPTN, tỉnh TN) phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

-Anh Nguyễn Văn L tức Nguyễn Văn L1, trú tại Tổ 7X, phường QV, TPTN, tỉnh TN) phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

-Anh Hoàng Văn Ch, trú tại xóm Đ3, xã LH, huyện VN, tỉnh TN phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

-Ông Vũ Khắc T5, trú tại: tổ 1Y cũ (nay là tổ 5Y), phường CH, TPTN, tỉnh TN phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

-Anh Nguyễn Đình M, trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[5] Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

5.1 Tạm giữ số tiền 262.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) thu của bị cáo Thanh để đảm bảo công tác thi hành án.

5.2 Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan những tài liệu sau:

-Trả cho anh Nguyễn Văn B, trú tại: Xóm T, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn B.

-Trả cho anh Nguyễn Thanh Ph, trú tại: Xóm T2, xã HT1, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Thẻ an toàn điện mang tên Nguyễn Thanh Ph.

-Trả cho chị Dương Thị D1, trú tại: Xóm N, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 090886208 mang tên Dương Thị D1; 01 (Một) Sổ hộ khẩu mang tên Trần Đăng S.

-Trả cho anh Tạ Quang V, trú tại: Tổ 1C, phường PĐP, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091690334 mang tên Tạ Quang V.

-Trả cho anh Nguyễn Đình T2, trú tại: xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lăng Thị H.

-Trả cho anh Nguyễn Duy Đ1, trú tại: Xóm L, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091655573 mang tên Nguyễn Duy Đ1;

-Trả cho anh Nguyễn Viết H1, trú tại: Xóm HH, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091690666 mang tên Nguyễn Viết H1; 01 (Một) Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Viết H1.

-Trả cho bà Bùi Thị L3, trú tại: Tổ 6, phường CH, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị L3.

-Trả cho anh Trần Quốc Kh1, trú tại: Tổ A3, phường CH, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091689358 mang tên Trần Quốc Kh1.

-Trả cho chị Trần Thị Th3, trú tại: Tổ 2K, phường CH, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Th3.

-Trả cho anh Nguyễn Văn A, trú tại: xóm L2, xã TL1, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn A.

- Trả cho anh Nguyễn Anh T4, trú tại: xóm T4, phường ĐB, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091630511 mang tên anh Nguyễn Anh T4.

-Trả cho anh Nguyễn Tuấn A1, trú tại: Xóm TP, xã CN, TPTN, tỉnh TN: 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091520543 mang tên Nguyễn Tuấn A1 và 01 (Một) Sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Trung K1.

-Trả cho Anh Vũ Bá L4, trú tại: 17, phường CH, TPTN, tỉnh TN 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 091736394 mang tên Vũ Bá L4.

- Trả cho anh Nguyễn Văn D3, trú tại: Xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn D3.

-Trả cho anh Vũ Văn L6, trú tại: Xóm T3, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 (Một) sổ hộ khẩu mang tên Vũ Văn L6

-Trả cho ông Vũ Khắc T5, trú tại tổ 11, phường CH, TPTN, tỉnh TN: 01 Chứng minh nhân dân số 090515700 mang tên Vũ Khắc T5

- Trả cho anh Nguyễn Đình M, trú tại xóm AT, xã HT2, huyện ĐH, tỉnh TN: 01 Chứng minh nhân dân số 091104614 mang tên Nguyễn Đình M

- Trả cho anh Phạm Trọng B: 01 (Một) Sổ hộ khẩu mang tên Phạm Trọng Bình.

[5.3] Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Duy Th đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tạm thu tiền phạt vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự TPTN theo biên lai thu số 0000010 ngày 06/02/2020.

(Hiện vật chứng và số tiền nêu trên đang lưu giữ tại kho và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự TPTN, tỉnh TN theo biên bản giao nhận ngày 13/12/2019 và ủy nhiệm chi số 153 ngày 18/12/2019).

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Duy Th, chị Đào Thu Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận

- TAND tỉnh TN.
- VKSND tỉnh TN.
- VKSND TPTN.
- Công an TPTN.
- THADS TPTN.
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền